

Số: 2371/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1737/TTr-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045” (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội về chủ trương đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam, hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục và đào tạo, văn hóa, kinh tế tri thức trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2. Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, xây dựng hệ sinh thái ngôn ngữ tiếng Anh trong trường học; tạo môi trường thuận lợi nhất để tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

3. Có lộ trình cụ thể đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo giai đoạn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng miền bảo đảm chất lượng, thiết thực, hiệu quả.

4. Huy động các nguồn lực, phát huy tối đa các điều kiện, nguồn lực hiện có; các nơi có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi tích cực, chủ động xây dựng, nhân rộng mô hình điển hình, tạo sự lan tỏa trong xã hội; đẩy mạnh xã hội hoá trong việc dạy học tiếng Anh và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh.

5. Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế; bảo đảm ngôn ngữ tiếng Việt và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam; tăng cường dạy học tiếng nước láng giềng đối với địa phương vùng biên giới và dạy học các ngoại ngữ khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở Việt Nam; tiếng Anh được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, hiệu quả trong dạy học, giao tiếp, quản lý và các hoạt động giáo dục của nhà trường, hình thành hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục từ Mức độ 1 đến Mức độ 3¹.

b) Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh để góp phần xây dựng thế hệ công dân toàn cầu đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam.

c) Giáo dục mầm non: Giúp trẻ được trải nghiệm, làm quen với tiếng Anh; hướng tới hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, chuẩn bị tốt cho việc học tiếng Anh ở cấp học phổ thông.

¹ Các mức độ (Mức độ 1, Mức độ 2, Mức độ 3) để đánh giá cơ sở giáo dục đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai theo các tiêu chuẩn, tiêu chí về: môi trường ngôn ngữ và truyền thông; chương trình giáo dục và hoạt động dạy học; học liệu, tài liệu; chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và cơ sở vật chất; đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo và người học; hợp tác quốc tế; nghiên cứu khoa học và công nghệ...

d) Giáo dục phổ thông: Giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh trong phát triển tư duy và phẩm chất, năng lực học tập các môn học, các hoạt động giáo dục, giao lưu, trải nghiệm trong và ngoài nhà trường góp phần phát triển con người Việt Nam toàn diện trong thời đại hội nhập quốc tế sâu rộng.

đ) Giáo dục đại học: Phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong giảng dạy các học phần, mô đun, tín chỉ trong chương trình đào tạo; trong đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên. Phát triển giáo dục đại học thành trụ cột dẫn dắt quốc gia trong hệ sinh thái tiếng Anh với năng lực hội nhập sâu rộng, chuyển giao tri thức và đổi mới sáng tạo bằng tiếng Anh.

e) Giáo dục nghề nghiệp: Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và định hướng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

g) Giáo dục thường xuyên: Nâng cao năng lực tiếng Anh cho người học giáo dục thường xuyên, đa dạng hóa hình thức và nội dung học tập tiếng Anh nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với giáo dục mầm non

- Giai đoạn 2025 - 2030: 100% số cơ sở giáo dục mầm non tại các thành phố, đô thị vùng thuận lợi bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh; ít nhất 10% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 1.

- Giai đoạn 2030 - 2035:

+ Ít nhất 80% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh.

+ 100% số cơ sở giáo dục mầm non vùng thuận lợi bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh.

+ Ít nhất 20% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước triển khai thực hiện việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học đạt Mức độ 1; 10% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 2.

- Giai đoạn 2035 - 2045:

+ Đến năm 2040: 90% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh để tạo nền tảng ban đầu, góp phần đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Ít nhất 30% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước đạt Mức độ 1;

15% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 3.

+ Đến năm 2045: 100% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện việc cho trẻ em làm quen với tiếng Anh, tạo nền tảng, góp phần đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước đạt Mức độ 1; 20% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 3.

b) Đối với giáo dục phổ thông

- Giai đoạn 2025 - 2030: 100% cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1; ít nhất 20% số cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước đạt Mức độ 1; 5% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 2% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2030 - 2035: Ít nhất 30% số cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước đạt Mức độ 1; 10% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2035 - 2045:

+ Đến năm 2040: Ít nhất 40% số cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước đạt Mức độ 1; 15% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.

+ Đến năm 2045: Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước đạt Mức độ 1; 20% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.

c) Đối với giáo dục đại học

- Giai đoạn 2025 - 2030: Ít nhất 20% số cơ sở giáo dục đại học trên cả nước (ngoại trừ các cơ sở giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1; 5% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 2 và 3% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2030 - 2035: Ít nhất 30% số cơ sở giáo dục đại học trên cả nước (ngoại trừ các cơ sở giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1; 20% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2035 - 2045:

+ Đến năm 2040: Ít nhất 40% số cơ sở giáo dục đại học trên cả nước (ngoại trừ các cơ sở giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1; 35% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 3.

+ Đến năm 2045: Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục đại học (ngoại trừ các cơ sở giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 2 và 25% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 3.

d) Đối với giáo dục nghề nghiệp

- Giai đoạn 2025 - 2030: Ít nhất 15% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cả nước đạt Mức độ 1; phần đầu có 5% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2.

- Giai đoạn 2030 - 2035: Ít nhất 35% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cả nước đạt Mức độ 1; phần đầu có 10% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2035 - 2045:

+ Đến năm 2040: Ít nhất 40% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cả nước đạt Mức độ 1; phần đầu có 15% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 3.

+ Đến năm 2045: Ít nhất 50% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cả nước đạt Mức độ 1; phần đầu có 20% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 3.

đ) Đối với giáo dục thường xuyên

- Giai đoạn 2025 - 2030: Ít nhất 20% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên cả nước (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 5% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2.

- Giai đoạn 2030 - 2035: Ít nhất 40% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên cả nước (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 10% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2035 - 2045:

+ Đến năm 2040: Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên cả nước (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 15% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 3.

+ Đến năm 2045: Ít nhất 60% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên cả nước (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 20% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 3.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của tiếng Anh trong giáo dục và hội nhập

a) Quán triệt sâu sắc quan điểm, tăng cường trách nhiệm của cấp ủy đảng các cấp; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các bộ, cơ quan, địa phương, tổ chức, phát huy vai trò của người đứng đầu các cấp ủy, đảng, chính quyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận, quyết tâm cao việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học thực hiện hiệu quả chủ trương đất nước đang chủ động hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng.

b) Nâng cao vai trò của các cấp ủy cơ sở giáo dục, đào tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

c) Làm tốt công tác thông tin, truyền thông để nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân, phụ huynh, học sinh và toàn xã hội về vai trò quan trọng của tiếng Anh trong quá trình hội nhập quốc tế, phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện của con người Việt Nam, chuẩn bị nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế, xã hội của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa.

d) Xây dựng, triển khai kế hoạch, hình thức truyền thông tổng thể, phù hợp với từng thành phần, đối tượng, nhất là phụ huynh, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và trẻ em, học sinh, sinh viên, cán bộ quản lý các cấp hiệu đúng, hiểu đủ, đồng thuận và chủ động tích cực tham gia quá trình đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

đ) Đẩy mạnh sử dụng các kênh truyền thông đa dạng, từ truyền thông đại chúng (báo chí, truyền hình), truyền thông số (mạng xã hội, nền tảng học tập trực tuyến) đến các hình thức truyền thông nội bộ trong trường học, truyền thông tương tác tại cộng đồng. Gắn kết hoạt động truyền thông với xây dựng, lan tỏa các mô hình điển hình truyền cảm hứng, tạo động lực học tập và sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên, tự nguyện và chủ động.

2. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học

a) Rà soát, nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về chương trình, sách giáo khoa, học liệu, kiểm tra đánh giá, tổ chức hoạt động nhà trường, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên tiếng Anh, giáo viên, giảng viên dạy học bằng tiếng Anh.

Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ và triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy xã hội hóa, huy động các nguồn lực để hiện đại hóa môi trường dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát, đánh giá và cập nhật việc thực hiện chính sách, kịp thời điều chỉnh các quy định, tiêu chuẩn, tiêu chí cho phù hợp với thực tiễn triển khai và xu hướng giáo dục quốc tế; rà soát, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định về việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, khả thi trong tổ chức dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong tất cả các cấp học, ngành học, ngành nghề đào tạo.

c) Xây dựng quy định về đánh giá chất lượng các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên trong triển khai thực hiện đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học để làm căn cứ công nhận các mức độ đạt được.

d) Xây dựng quy định về điều kiện, đánh giá chất lượng các trung tâm ngoại ngữ, trung tâm cung cấp các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh để nâng cao chất lượng của các trung tâm này trong các hoạt động phối hợp với các cơ sở giáo dục.

đ) Xây dựng cơ chế để huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ và công cụ hỗ trợ học tập, đặc biệt là các giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo trong việc nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh; kiểm soát chất lượng, đồng thời ghi nhận và phát huy vai trò của các tổ chức, cơ sở giáo dục ngoài công lập có đóng góp tích cực trong triển khai Đề án.

3. Phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và dạy bằng tiếng Anh, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về chất lượng

a) Thực hiện khảo sát và đánh giá năng lực tiếng Anh đối với giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và dạy các môn học khác bằng tiếng Anh ở các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo. Trên cơ sở đó, xây dựng, hoàn thiện và ban hành khung năng lực tiếng Anh phù hợp cho từng đối tượng, làm cơ sở định hướng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

b) Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên bảo đảm phù hợp với định hướng triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, giảng viên dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đội ngũ cán bộ nhân viên khác bảo đảm triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, ưu tiên khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn.

c) Nâng cao và chuẩn hóa năng lực cho các cơ sở đào tạo giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh, giáo viên, giảng viên dạy các môn học và chuyên ngành khác bằng tiếng Anh; thúc đẩy xây dựng mô hình liên kết giữa các trường đại

học sư phạm, trường đại học chuyên ngữ với các cơ sở giáo mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên trong công tác đào tạo và hỗ trợ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên dạy tiếng Anh và dạy các môn học, tổ chức các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh.

d) Rà soát, nghiên cứu xây dựng định mức lao động phù hợp cho giảng viên, giáo viên dạy tiếng Anh; giảng viên, giáo viên dạy các môn học và chuyên ngành khác bằng tiếng Anh, đào tạo sinh viên sư phạm dạy các môn học và chuyên ngành khác bằng tiếng Anh. Có cơ chế phát hiện, đãi ngộ đối với học sinh, sinh viên có năng lực tiếng Anh nổi trội; có chính sách thu hút sinh viên giỏi tiếng Anh mới tốt nghiệp và hỗ trợ giáo viên tiếng Anh đến công tác tại khu vực khó khăn. Nghiên cứu cơ chế, chính sách cho người nước ngoài sử dụng thành thạo tiếng Anh tham gia dạy học tại các cơ sở giáo dục công lập.

4. Xây dựng và triển khai chương trình, học liệu phục vụ dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh

a) Phát triển hệ thống chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu, học liệu phục vụ dạy học tiếng Anh, dạy các môn học, chuyên ngành khác bằng tiếng Anh ở các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo.

b) Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu trực tuyến mở, tăng cường ứng dụng công nghệ, đào tạo trực tuyến ở quy mô quốc gia, bảo đảm tất cả người học đều có thể dễ dàng, thuận lợi trong việc tiếp cận các chương trình, môn học và chuyên ngành bằng tiếng Anh chất lượng cao.

c) Triển khai thí điểm, đánh giá, hoàn thiện các chương trình, hệ thống học liệu trước khi triển khai diện rộng. Bảo đảm tính thống nhất, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo và phù hợp với chuẩn quốc tế.

d) Có giải pháp hiệu quả nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho người học để chủ động tiếp cận tri thức toàn cầu và công nghệ tiên tiến giúp cải thiện năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động quốc tế trong kỷ nguyên mới.

5. Đổi mới phương pháp dạy học, phương thức thi, kiểm tra, đánh giá, đẩy mạnh xây dựng môi trường tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học

a) Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; tổ chức dạy học cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, trong đó chú trọng phát triển kỹ năng nghe và nói; đa dạng hóa các hình thức dạy học bao gồm cả ở trong và ngoài lớp học; tạo môi trường sử dụng tiếng Anh tối đa cho người học; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, phát triển văn hóa đọc sách bằng tiếng Anh.

b) Tiếp tục đổi mới phương thức thi, kiểm tra, đánh giá; thiết kế hệ thống đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp thực tiễn, thúc đẩy việc dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh một cách tự nhiên, gắn với môi trường sử dụng thực tế.

c) Xây dựng hệ thống quy trình, công cụ đánh giá năng lực tiếng Anh, năng lực chuyên ngành, nghề bằng tiếng Anh trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo chuẩn đầu ra một cách đồng bộ, liên thông, tiệm cận với chuẩn đánh giá theo năng lực của quốc tế.

d) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá, kiểm định chất lượng dạy học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo bảo đảm hiện đại, chuyên nghiệp.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo (AI), tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm chất lượng cho phát triển hoạt động giáo dục, dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, ưu tiên cho khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn

a) Đầu tư phát triển các nền tảng học tập số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có khả năng phân tích trình độ, nhu cầu của người học để tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh theo hướng cá nhân hóa, phù hợp và hiệu quả.

b) Tăng cường trang thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin và điều kiện vật chất phục vụ tổ chức dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong nhà trường đảm bảo chất lượng, hiệu quả; ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa để đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục.

c) Xây dựng cơ chế khuyến khích hợp tác giữa ngành giáo dục và các tổ chức công nghệ, các doanh nghiệp giáo dục số nhằm cung cấp công cụ học tập, học liệu số và dịch vụ công nghệ để học tiếng Anh hiệu quả. Đồng thời, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục, quản lý cơ sở giáo dục về năng lực sử dụng công nghệ trong dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh theo hướng hiện đại, tích hợp và sáng tạo.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh xã hội hoá trong nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học các môn học khác bằng tiếng Anh, tổ chức các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh

a) Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ thứ hai nhằm chia sẻ kinh nghiệm, khai thác nguồn lực và thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong dạy học tiếng Anh.

b) Thúc đẩy việc ký kết các thoả thuận hợp tác, liên kết giáo dục giữa các cơ sở giáo dục Việt Nam và các cơ sở giáo dục nước ngoài, các đối tác nước ngoài về lĩnh vực giáo dục hoặc công nghệ giáo dục để nâng cao chất lượng việc dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh với nhiều hình thức khác nhau.

c) Khuyến khích các cơ sở giáo dục mở rộng, đa dạng hóa các hình thức hợp tác với tổ chức, cá nhân quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đưa học sinh, sinh viên học tập, nghiên cứu ở nước ngoài; xây dựng học liệu, tổ chức đánh giá và triển khai mô hình trường học thành công trong việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai.

d) Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt các chương trình, dự án tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh với nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ, đúng quy định pháp luật.

đ) Đẩy mạnh xã hội hóa và phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong việc lựa chọn mô hình, giải pháp nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh phù hợp với điều kiện cụ thể.

8. Phát động phong trào thi đua, khen thưởng thiết thực, hiệu quả, làm động lực thúc đẩy triển khai Đề án trên toàn quốc

a) Phát động phong trào thi đua trong thực hiện đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học một cách thiết thực, hiệu quả và kịp thời; khen thưởng, khuyến khích động viên các sáng kiến tiên phong, đặc biệt ở các địa bàn khó khăn hoặc nhóm đối tượng yếu thế.

b) Lồng ghép hoạt động thi đua, khen thưởng vào các diễn đàn học thuật, trao đổi kinh nghiệm, tạo điều kiện nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm sáng tạo; hình thành hệ thống các “điển hình tiêu biểu” để truyền thông, học tập và nhân rộng.

c) Tổ chức đánh giá, sơ kết theo từng giai đoạn và tổng kết Đề án; kịp thời phát hiện, tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, nhân rộng, tôn vinh tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm sáng tạo trong việc thực hiện đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên các kênh truyền thông chính thống và nền tảng số nhằm lan tỏa giá trị, tạo động lực thi đua thực chất, hiệu quả.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí thực hiện Đề án, gồm: Ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, cụ thể:

1. Nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên và chi đầu tư) thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động, cân đối bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ của Đề án theo quy định của pháp luật.

2. Tăng cường nguồn vốn lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, cộng đồng trong và ngoài nước cùng tham gia đầu tư, tài trợ kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục đào tạo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì triển khai thực hiện Đề án, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan và địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng, cụ thể hoá những nội dung của Đề án thành các chương trình, kế hoạch chi tiết bảo đảm “06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền” để triển khai thực hiện Đề án bảo đảm thiết thực, hiệu quả, chất lượng. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm về nội dung, đề xuất, kiến nghị và tài liệu liên quan tại Tờ trình số 1737/TTr-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2025.

b) Thực hiện các nhiệm vụ có tính chất toàn ngành và các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai Đề án.

c) Chủ trì nghiên cứu, hướng dẫn, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định về cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng định mức biên chế giáo viên, giảng viên tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh phù hợp trong hệ thống giáo dục quốc dân.

d) Chủ trì việc xây dựng, điều chỉnh và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo chuyên môn triển khai hiệu quả Đề án; ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể về các mức độ đối với cơ sở giáo dục trong việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, bảo đảm phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo.

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức giám sát, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án, định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án, bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

3. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc, phù hợp với nhiệm vụ, tính chất, đặc thù của cơ sở giáo dục thuộc lực lượng vũ trang.

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện các đề án, dự án, chương trình liên quan được các cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với nhiệm vụ, tính chất, đặc thù của lực lượng vũ trang.

c) Tổ chức giám sát, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Các bộ, cơ quan liên quan

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc, phù hợp với lộ trình, kế hoạch triển khai trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Tổ chức giám sát, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Hội Khuyến học Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án để chỉ đạo, triển khai thực hiện ở địa phương. Hằng năm, căn cứ nhu cầu và kế hoạch triển khai Đề án, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bố trí nguồn ngân sách địa phương để thực hiện Đề án bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

b) Khuyến khích xã hội hóa trong đầu tư dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; có chính sách ưu đãi, đề xuất điều chỉnh quy định để các nhà đầu tư có điều kiện tham gia phát triển dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trên địa bàn. Tổ chức tuyên truyền các chủ trương, cơ chế, chính sách thúc đẩy việc dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp, nhà đầu tư tích cực trong việc thực hiện xã hội hóa.

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại địa phương, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

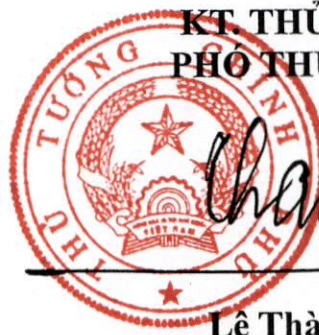
d) Tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Đề án theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; báo cáo Thủ tướng Chính phủ (qua Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Hiệp hội các trường ĐH, CĐ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: PL, KTTH, QHQT, NC;
- Lưu: VT, KGVX (2). DNam. 24



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Thành Long